

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020  
(đã được soát xét)

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-35
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	09-35

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**

Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 (gọi tắt là Công ty) tiền thân là Xi nghiệp Dược phẩm Trung Ương 3 thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4688/2003/QĐ-BYT ngày 01/09/2003 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Công ty hiện nay hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0203000632 ngày 01 tháng 12 năm 2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 18 tháng 06 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Xuân Hương	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Khái	Ủy viên
Ông Đinh Văn Cường	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Khái	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trương Thị Nguyệt Hoa	Trưởng ban
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



**Nguyễn Đình Khái**

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 07 năm 2020

Số: 120820.008/BCTC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 được lập ngày 22 tháng 07 năm 2020, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

T: (84)24 3824 1990 | F: (84)24 3825 3973 | 1 Le Phụng Hiếu, Hanoi, Vietnam

A member of **HLB** International

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>286.922.393.583</b>	<b>242.392.502.054</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	12.880.938.667	54.508.066.731
111	1. Tiền		12.880.938.667	19.508.066.731
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	35.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	170.000.000.000	105.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		170.000.000.000	105.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		39.199.359.854	22.189.372.618
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	24.083.116.165	15.619.521.276
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	12.638.034.967	5.932.025.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.647.806.668	730.336.453
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(169.597.946)	(169.597.946)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	77.087.835
140	IV. Hàng tồn kho	9	61.708.971.069	56.087.485.175
141	1. Hàng tồn kho		61.708.971.069	56.087.485.175
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.133.123.993	4.607.577.530
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	102.671.681	88.594.580
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.008.060.574	4.469.720.212
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	22.391.738	49.262.738
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>148.539.823.211</b>	<b>126.788.177.217</b>
220	II. Tài sản cố định		85.318.931.667	87.194.391.444
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	79.505.053.967	81.380.513.744
222	- Nguyên giá		143.909.590.410	141.914.127.499
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(64.404.536.443)	(60.533.613.755)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	5.813.877.700	5.813.877.700
228	- Nguyên giá		5.813.877.700	5.813.877.700
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	24.225.091.759	106.866.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		24.225.091.759	106.866.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		38.995.799.785	39.486.919.773
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	38.995.799.785	39.486.919.773
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>435.462.216.794</b>	<b>369.180.679.271</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>146.698.676.295</b>	<b>67.493.744.054</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>146.698.676.295</b>	<b>67.493.744.054</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	16.876.979.737	14.567.060.943
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	7.975.552.693	645.711.582
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	14.392.946.573	9.440.332.505
314	4. Phải trả người lao động		9.459.167.516	23.801.265.702
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	16.811.184.415	2.069.883.550
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.846.314.342	1.801.676.409
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	66.901.784.100	8.458.801.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		12.434.746.919	6.709.012.363
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>288.763.540.499</b>	<b>301.686.935.217</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	20	<b>288.763.540.499</b>	<b>301.686.935.217</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		86.000.000.000	86.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		86.000.000.000	86.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		97.658.827.900	97.658.827.900
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		18.558.524.419	14.422.435.451
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		86.546.188.180	103.605.671.866
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>		30.170.187.168	20.883.892.500
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		56.376.001.012	82.721.779.366
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>435.462.216.794</b>	<b>369.180.679.271</b>



*Trần Thị Hà Thu*

*Trần Thị Hà Thu*

*Nguyễn Đình Khái*

Trần Thị Hà Thu  
Người lập

Trần Thị Hà Thu  
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Khái  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 07 năm 2020

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	211.383.628.274	208.063.522.404
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	6.780.573.489	6.667.900.072
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		204.603.054.785	201.395.622.332
11	4. Giá vốn hàng bán	24	65.330.531.813	74.327.952.851
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		139.272.522.972	127.067.669.481
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	4.229.907.225	1.320.092.716
22	7. Chi phí tài chính	26	982.739.892	1.255.843.273
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		496.942.299	628.210.917
25	8. Chi phí bán hàng	27	52.839.310.789	44.714.837.754
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	19.348.207.235	10.022.201.606
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		70.332.172.281	72.394.879.564
31	11. Thu nhập khác	29	669.482.640	96.464.265
32	12. Chi phí khác	30	334.090.271	514.163.099
40	13. Lợi nhuận khác		335.392.369	(417.698.834)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		70.667.564.650	71.977.180.730
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	14.291.563.638	14.483.198.507
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>56.376.001.012</u>	<u>57.493.982.223</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	6.555	7.349



Trần Thị Hà Thu  
Người lập



Trần Thị Hà Thu  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Đình Khái  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 07 năm 2020



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		223.377.493.551	212.920.418.122
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(115.153.292.258)	(155.310.976.550)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(45.336.957.325)	(26.105.314.764)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(503.739.635)	(662.355.028)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.853.740.992)	(12.282.379.790)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	4.075.930.722
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.739.584.165)	(9.272.753.413)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>46.790.179.176</b>	<b>13.362.569.299</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(26.113.688.670)	(283.858.299)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(170.000.000.000)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		105.000.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.281.203.539	679.279.807
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(86.832.485.131)</b>	<b>395.421.508</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	89.335.720.400
33	2. Tiền thu từ đi vay		62.242.983.100	20.667.220.860
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(3.800.000.000)	(14.367.220.860)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(60.029.454.100)	(42.987.440.050)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(1.586.471.000)</b>	<b>52.648.280.350</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(41.628.776.955)</b>	<b>66.406.271.157</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>54.508.066.731</b>	<b>44.380.472.302</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.648.891	1.607.430
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>3</b>	<b>12.880.938.667</b>	<b>110.788.350.889</b>


Trần Thị Hà Thu  
Người lập

Trần Thị Hà Thu  
Kế toán trưởngNguyễn Đình Khái  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 07 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 (gọi tắt là Công ty) tiền thân là Xí nghiệp Dược phẩm Trung Ương 3 thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4688/2003/QĐ-BYT ngày 01/09/2003 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Công ty hiện nay hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0203000632 ngày 01 tháng 12 năm 2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 18 tháng 06 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 86.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 86.000.000.000 đồng; tương đương 8.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thuốc và dịch vụ thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, hóa chất, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng;
- Kinh doanh, nuôi trồng, chế biến dược liệu;
- Buôn bán máy móc, thiết bị y tế.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh tại Hà Nội	Ô đất số 6, dãy B, lô TT5B, Dự án Tây Nam Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	Kinh doanh thuốc và dịch vụ thương mại.
Chi nhánh tại Thành Phố Hồ Chí Minh	Phòng 1 tầng trệt, Lầu 1, 90/14 Trần Văn Ôn, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh	Kinh doanh thuốc và dịch vụ thương mại.
Chi nhánh tại Hải Phòng	Số 16 đường Lê Đại Hành, Quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng	Kinh doanh thuốc và dịch vụ thương mại.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

### **2.4 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao

**2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**2.12 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.13 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.14 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.15 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.16 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.17 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.18 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo chốt quyền của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.19 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh, giảm giá hàng bán, hàng bán trả lại cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.21 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.22 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

**2.24 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**2.25 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.26 . Thông tin bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc, chiếm toàn bộ doanh thu của Công ty và chủ yếu diễn ra toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1.068.755.198	801.972.960
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.812.183.469	18.706.093.771
Các khoản tương đương tiền	-	35.000.000.000
	<b>12.880.938.667</b>	<b>54.508.066.731</b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	170.000.000.000	-	105.000.000.000	-
	<b>170.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>105.000.000.000</b>	<b>-</b>

Tại ngày 30/06/2020, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 170.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thường Tín và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với lãi suất từ 7,0%/năm đến 7,3%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Y tế	982.727.550	-	2.641.637.250	-
- Công ty TNHH Dược phẩm Hòa Phát	-	-	394.808.796	-
- Công ty TNHH Đại Bắc	6.349.342.606	-	1.509.657.765	-
- Công ty TNHH Đầu tư Dược phẩm Minh Đức	315.774.060	-	625.679.567	-
- Công ty TNHH PAKID Việt Nam	607.803.840	-	1.064.802.920	-
- Phải thu khách hàng khác	15.827.468.109	(169.597.946)	9.382.934.978	(169.597.946)
	<b>24.083.116.165</b>	<b>(169.597.946)</b>	<b>15.619.521.276</b>	<b>(169.597.946)</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel	-	-	1.000.000.000	-
- Công ty cổ phần Xây lắp Hải Long	4.288.550.000	-	4.288.550.000	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị MPM	2.402.512.200	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Hướng Nam	1.392.240.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	4.554.732.767	-	643.475.000	-
	<b>12.638.034.967</b>	<b>-</b>	<b>5.932.025.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	79.452.055	-	132.397.260	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	37.967.078	-
Tạm ứng	70.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	2.263.188.700	-	214.650.442	-
Phải thu khác	235.165.913	-	345.321.673	-
	<b>2.647.806.668</b>	<b>-</b>	<b>730.336.453</b>	<b>-</b>

**8 . NỢ XẤU**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Minh	109.800.000	-	109.800.000	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 1	59.797.946	-	59.797.946	-
	<b>169.597.946</b>	<b>-</b>	<b>169.597.946</b>	<b>-</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	38.026.423.465	-	33.740.406.021	-
Công cụ, dụng cụ	150.303.241	-	56.970.855	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.248.659.907	-	8.125.643.751	-
Thành phẩm	18.283.584.456	-	14.164.464.548	-
	<b>61.708.971.069</b>	<b>-</b>	<b>56.087.485.175</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**10 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Dự án Nhà máy Dược phẩm Trung Ương 3 - Tràng Duệ (*)	24.225.091.759	106.866.000
	<u><u>24.225.091.759</u></u>	<u><u>106.866.000</u></u>

**(\*) Giai đoạn 1 - Dự án nhà máy Dược phẩm Trung ương 3 - Tràng Duệ**

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3;
- Mục đích xây dựng: xây dựng nhà máy sản xuất thuốc, sản xuất thực phẩm chức năng, sản xuất hóa - mỹ phẩm;
- Địa điểm xây dựng: Lô N1-2, Khu công nghiệp Tràng Duệ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: Dự án được triển khai từ năm 2019 và dự kiến hoàn thành trong năm 2020;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2020: Đã hoàn thiện xong phần nhà xưởng, phần điện lạnh và đang hoàn thành lắp đặt thiết bị, máy móc và dự kiến khánh thành vào đầu Quý IV/2020.

## 11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	83.868.258.486	46.280.061.859	7.727.210.187	4.038.596.967	141.914.127.499
- Mua trong kỳ	-	-	1.995.462.911	-	1.995.462.911
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>83.868.258.486</b>	<b>46.280.061.859</b>	<b>9.722.673.098</b>	<b>4.038.596.967</b>	<b>143.909.590.410</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	17.768.821.606	34.000.494.919	5.619.893.128	3.144.404.102	60.533.613.755
- Khấu hao trong kỳ	1.379.957.717	1.849.096.081	491.621.193	150.247.697	3.870.922.688
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>19.148.779.323</b>	<b>35.849.591.000</b>	<b>6.111.514.321</b>	<b>3.294.651.799</b>	<b>64.404.536.443</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	66.099.436.880	12.279.566.940	2.107.317.059	894.192.865	81.380.513.744
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>64.719.479.163</b>	<b>10.430.470.859</b>	<b>3.611.158.777</b>	<b>743.945.168</b>	<b>79.505.053.967</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 40.543.065.420 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 19.499.338.727 đồng.

## 12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại các địa chỉ: Ô đất số 6 dãy B, Lô TT5B, Dự án Tây Nam Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội; Số 90/14 Trần Văn Ôn, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Khu dân cư Trung Nghĩa, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng với nguyên giá lần lượt là 3.057.600.000 đồng; 1.399.472.000 đồng và 1.356.805.700 đồng. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, Công ty không trích khấu hao.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	102.671.681	88.594.580
	<b>102.671.681</b>	<b>88.594.580</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng Dự án Nhà máy Trảng Duệ <sup>(*)</sup>	37.317.526.169	37.739.988.729
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.678.273.616	1.746.931.044
	<b>38.995.799.785</b>	<b>39.486.919.773</b>

(\*) Chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Lô N1-2 Khu công nghiệp Trảng Duệ, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Thành phố Hải Phòng với diện tích 18.455,5 m2 theo Hợp đồng số 102/HĐĐT&CSHT-TD/2018 ngày 27/12/2018 giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 và Công ty Cổ phần khu công nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng. Theo đó, thời hạn thuê tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày 27/08/2064, Công ty thanh toán tiền thuê cơ sở hạ tầng trả trước một lần cho toàn bộ thời hạn thuê.

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ phần Thương mại Dược liệu Sơn Tùng	3.288.253.240	3.288.253.240	2.633.092.434	2.633.092.434
- Công ty TNHH Suheung Việt Nam	1.306.725.000	1.306.725.000	1.246.890.000	1.246.890.000
- Công ty TNHH Sản xuất Bao bì và Thương mại Đức Thành	2.660.952.547	2.660.952.547	1.143.995.963	1.143.995.963
- Nguyễn Thị Thanh	314.648.000	314.648.000	1.276.567.900	1.276.567.900
- Phải trả các đối tượng khác	9.306.400.950	9.306.400.950	8.266.514.646	8.266.514.646
	<b>16.876.979.737</b>	<b>16.876.979.737</b>	<b>14.567.060.943</b>	<b>14.567.060.943</b>

**15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hòa Phát	7.426.555.064	-
Người mua trả tiền trước khác	548.997.629	645.711.582
	<b>7.975.552.693</b>	<b>645.711.582</b>

## 16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	272.660.814	419.236.468	472.498.785	-	219.398.497
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	527.335.100	527.335.100	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	8.853.740.991	14.291.563.638	11.853.740.992	-	11.291.563.637
Thuế Thu nhập cá nhân	-	293.366.071	5.175.932.713	2.587.314.345	-	2.881.984.439
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	49.262.738	-	51.643.273	24.772.273	22.391.738	-
Các loại thuế khác	-	20.564.629	27.646.978	48.211.607	-	-
	<b>49.262.738</b>	<b>9.440.332.505</b>	<b>20.493.358.170</b>	<b>15.513.873.102</b>	<b>22.391.738</b>	<b>14.392.946.573</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	6.797.336
- Trích trước chi phí trả thưởng theo doanh số	-	-
- Trích trước chi phí quảng cáo theo kết quả	-	-
- Trích trước trả thưởng cho NPP	1.216.884.470	1.246.776.182
- Chi phí phải trả khác	15.594.299.945	816.310.032
	<b><u>16.811.184.415</u></b>	<b><u>2.069.883.550</u></b>

**18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	552.112.934
- Kinh phí công đoàn	194.568.988	173.625.496
- Bảo hiểm y tế	-	35.347.300
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	300.805.150	130.259.250
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.350.940.204	910.331.429
	<b><u>1.846.314.342</u></b>	<b><u>1.801.676.409</u></b>



## 19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>5.400.000.000</b>	<b>5.400.000.000</b>	<b>62.242.983.100</b>	<b>2.200.000.000</b>	<b>65.442.983.100</b>	<b>65.442.983.100</b>
- Vay cá nhân <sup>(1)</sup>	5.400.000.000	5.400.000.000	4.478.000.000	2.200.000.000	7.678.000.000	7.678.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng <sup>(2)</sup>	-	-	57.764.983.100	-	57.764.983.100	57.764.983.100
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>3.058.801.000</b>	<b>3.058.801.000</b>	<b>-</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>1.458.801.000</b>	<b>1.458.801.000</b>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng <sup>(3)</sup>	3.058.801.000	3.058.801.000	-	1.600.000.000	1.458.801.000	1.458.801.000
	<b>8.458.801.000</b>	<b>8.458.801.000</b>	<b>62.242.983.100</b>	<b>3.800.000.000</b>	<b>66.901.784.100</b>	<b>66.901.784.100</b>
<b>b) Dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng <sup>(3)</sup>	3.058.801.000	3.058.801.000	-	1.600.000.000	1.458.801.000	1.458.801.000
	<b>3.058.801.000</b>	<b>3.058.801.000</b>	<b>-</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>1.458.801.000</b>	<b>1.458.801.000</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(3.058.801.000)	(3.058.801.000)	-	(1.600.000.000)	(1.458.801.000)	(1.458.801.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	-	-

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Khoản vay từ cán bộ công nhân viên để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 0%/năm đến 8%/năm. Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 7.678.000.000 đồng.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 202025477017 ngày 25/06/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 65.000.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày 25/06/2020 đến ngày 03/01/2021;
  - + Lãi suất cho vay: Được quy định tại từng giấy nhận nợ, lãi suất các khoản vay trong kỳ là 7,5%;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 57.764.983.100 đồng;
  - + Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 202025477017 ngày 25/06/2020 với bên cho vay vốn.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (3) Hợp đồng tín dụng số 01/2013-HĐTDDA/NHCT166-DP3 ngày 23 tháng 07 năm 2013 giữa Công ty và Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: Các khoản nợ sẽ được bên vay dùng để thanh toán các chi phí hợp lý thuộc dự án xây dựng phân xưởng thuốc đông dược của bên vay;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
  - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cơ sở + 6%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 1.458.801.000 đồng; số phải trả trong kỳ tới là 1.458.801.000 đồng;
  - + Tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ tài sản máy móc thiết bị thực hiện từ dự án.

## 20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

## a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	68.000.000.000	25.748.527.500	10.419.268.227	76.694.027.618	180.861.823.345
Tăng vốn trong kỳ trước	18.000.000.000	71.910.300.400	-	-	89.910.300.400
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	82.721.779.366	82.721.779.366
Phân phối lợi nhuận	-	-	4.003.167.224	(55.810.135.118)	(51.806.967.894)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>86.000.000.000</b>	<b>97.658.827.900</b>	<b>14.422.435.451</b>	<b>103.605.671.866</b>	<b>301.686.935.217</b>
Số dư đầu năm nay	86.000.000.000	97.658.827.900	14.422.435.451	103.605.671.866	301.686.935.217
Lãi trong kỳ này	-	-	-	56.376.001.012	56.376.001.012
Phân phối lợi nhuận	-	-	4.136.088.968	(73.435.484.698)	(69.299.395.730)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>86.000.000.000</b>	<b>97.658.827.900</b>	<b>18.558.524.419</b>	<b>86.546.188.180</b>	<b>288.763.540.499</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 683/2020/NQ - ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 06 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	82.721.779.366
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,00%	4.136.088.968
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị; Ban kiểm soát	11,00%	9.099.395.731
Chi trả cổ tức (bằng 70 % vốn điều lệ)	72,77%	60.200.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	11,23%	9.286.294.667

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**

Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	22,07%	18.984.350.000	22,07%	18.984.350.000
Ông Bùi Xuân Hương	6,38%	5.487.200.000	6,38%	5.487.200.000
Ông Đinh Văn Cường	5,58%	4.796.680.000	5,58%	4.796.680.000
Ông Nguyễn Đình Khải	13,89%	11.949.400.000	13,89%	11.949.400.000
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	9,68%	8.323.310.000	9,68%	8.323.310.000
Cổ đông khác	42,40%	36.459.060.000	42,40%	36.459.060.000
	<b>100%</b>	<b>86.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>86.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	86.000.000.000	86.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	86.000.000.000	68.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	18.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	86.000.000.000	86.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	130.259.250	117.699.300
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	60.200.000.000	43.000.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	60.200.000.000	43.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(60.029.454.100)	(42.987.440.050)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	(60.029.454.100)	(42.987.440.050)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	300.805.150	130.259.250

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.600.000	8.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.600.000	8.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.600.000	8.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.558.524.419	14.422.435.451
	<b>18.558.524.419</b>	<b>14.422.435.451</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

- Công ty ký hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm tại Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm văn phòng, nhà máy sản xuất và chi nhánh. Tổng diện tích các khu đất thuê là 11.232 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định pháp lý hiện hành.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Lô N1-2 Khu công nghiệp Trảng Duệ, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Thành phố Hải Phòng có diện tích 18.455,5 m<sup>2</sup>.  
(Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 13 - Chi phí trả trước).

**b) Ngoại tệ các loại**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	21.165,59	17.271,27

**c) Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xóa theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông	641.074.953	641.074.953

**22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>06 tháng đầu năm 2020</u>	<u>06 tháng đầu năm 2019</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	211.383.628.274	208.063.522.404
	<u><b>211.383.628.274</b></u>	<u><b>208.063.522.404</b></u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	<u>-</u>	<u><b>14.351.288.600</b></u>

**23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>06 tháng đầu năm 2020</u>	<u>06 tháng đầu năm 2019</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	6.696.851.189	4.592.162.353
Hàng bán bị trả lại	83.722.300	2.074.785.338
Giảm giá hàng bán	-	952.381
	<u><b>6.780.573.489</b></u>	<u><b>6.667.900.072</b></u>

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>06 tháng đầu năm 2020</u>	<u>06 tháng đầu năm 2019</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán và dịch vụ đã cung cấp	65.330.531.813	74.327.952.851
	<u><b>65.330.531.813</b></u>	<u><b>74.327.952.851</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.228.258.334	1.318.485.286
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.648.891	1.607.430
	<b><u>4.229.907.225</u></b>	<b><u>1.320.092.716</u></b>

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	496.942.299	628.210.917
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	485.797.593	615.574.856
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	12.057.500
	<b><u>982.739.892</u></b>	<b><u>1.255.843.273</u></b>

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	117.270.543	135.723.833
Chi phí nhân công	15.724.462.936	7.662.725.074
Chi phí khấu hao tài sản cố định	197.130.854	114.257.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.860.189.786	35.081.586.726
Chi phí khác bằng tiền	2.940.256.670	1.720.544.257
	<b><u>52.839.310.789</u></b>	<b><u>44.714.837.754</u></b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	484.595.200	197.042.915
Chi phí nhân công	10.247.904.060	4.025.886.856
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.108.567.828	1.159.873.077
Thuế, phí, lệ phí	266.440.624	133.112.519
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.518.981.301	3.195.006.174
Chi phí khác bằng tiền	2.721.718.222	1.311.280.065
	<b><u>19.348.207.235</u></b>	<b><u>10.022.201.606</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**

Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**29 . THU NHẬP KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ tiền cho thuê nhà xe, gửi xe, điện nước	116.737.117	84.768.682
Thu nhập khác	552.745.523	11.695.583
	<b>669.482.640</b>	<b>96.464.265</b>

**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	7.517.700
Chi phí khác	334.090.271	506.645.399
	<b>334.090.271</b>	<b>514.163.099</b>

**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	70.667.564.650	71.977.180.730
Các khoản điều chỉnh tăng	791.902.432	437.204.376
- Chi phí không hợp lệ	791.902.432	437.204.376
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.648.891)	1.607.430
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(1.648.891)	1.607.430
Thu nhập chịu thuế TNDN	71.457.818.191	72.415.992.536
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>14.291.563.638</b>	<b>14.483.198.507</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	8.853.740.991	8.282.379.790
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(11.853.740.992)	(12.282.379.790)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>11.291.563.637</b>	<b>10.483.198.507</b>

**32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	56.376.001.012	57.493.982.223
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	56.376.001.012	57.493.982.223
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.600.000	7.822.947
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>6.555</b>	<b>7.349</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.625.870.479	58.539.498.550
Chi phí nhân công	33.621.564.256	20.666.417.817
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.870.922.688	4.196.327.890
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.763.485.152	38.619.315.329
Chi phí khác bằng tiền	8.394.071.198	7.346.105.788
	<b>136.275.913.773</b>	<b>129.367.665.374</b>

**34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.880.938.667	-	54.508.066.731	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.730.922.833	(169.597.946)	16.349.857.729	(169.597.946)
Các khoản cho vay	170.000.000.000	-	105.000.000.000	-
	<b>209.611.861.500</b>	<b>(169.597.946)</b>	<b>175.857.924.460</b>	<b>(169.597.946)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			66.901.784.100	8.458.801.000
Phải trả người bán, phải trả khác			18.723.294.079	16.368.737.352
Chi phí phải trả			16.811.184.415	2.069.883.550
			<b>102.436.262.594</b>	<b>26.897.421.902</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.



**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.880.938.667	-	-	12.880.938.667
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.561.324.887	-	-	26.561.324.887
Các khoản cho vay	170.000.000.000	-	-	170.000.000.000
	<b>209.442.263.554</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>209.442.263.554</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.508.066.731	-	-	54.508.066.731
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.180.259.783	-	-	16.180.259.783
Các khoản cho vay	105.000.000.000	-	-	105.000.000.000
	<b>175.688.326.514</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>175.688.326.514</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có sổ dư và giao dịch trong kỳ với Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Ông Bùi Xuân Hương	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Đình Khái	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Cường	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Ủy viên HĐQT đến ngày 24/05/2019
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Ủy viên HĐQT đến ngày 24/05/2019
Công ty TNHH Đại Bắc	Công ty do ủy viên HĐQT Công ty - Ông Nguyễn Hữu Dũng làm Giám đốc (Không còn là Bên liên quan từ ngày 24/05/2019)

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và sổ dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	-	<b>14.351.288.600</b>
Công ty TNHH Đại Bắc	-	14.351.288.600
<b>Nhận vốn góp</b>	-	<b>44.394.698.400</b>
Ông Bùi Xuân Hương	-	1.960.094.400
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	-	37.121.498.400
Ông Nguyễn Đình Khái	-	1.518.290.400
Ông Đinh Văn Cường	-	1.666.236.000
Ông Nguyễn Hữu Dũng	-	799.788.000
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	-	1.005.470.400
Công ty TNHH Đại Bắc	-	323.320.800

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	1.186.355.447	801.526.110
Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị	2.748.771.751	2.300.803.553

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**

Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**37 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.



**Trần Thị Hà Thu**  
Người lập



**Trần Thị Hà Thu**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Đình Khái**  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 07 năm 2020

